

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**  
**Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Bảng cân đối kế toán riêng	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	04-05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	06-07
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	08-36

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>78,376,963,666</b>	<b>35,427,746,875</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>9,331,528,412</b>	<b>4,117,333,209</b>
111	1. Tiền		9,331,528,412	4,117,333,209
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		362,000,000	362,000,000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12,107,320,822</b>	<b>14,486,598,106</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10,021,072,264	10,692,101,626
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1,986,545,558	3,794,496,480
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	99,703,000	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>46,072,868,147</b>	<b>13,592,308,243</b>
141	1. Hàng tồn kho		46,072,868,147	13,592,308,243
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10,503,246,285</b>	<b>2,869,507,317</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8,861,392,642	2,488,082,836
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1,641,853,643	381,424,481
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>195,349,651,126</b>	<b>141,988,982,931</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>85,499,037,032</b>	<b>87,796,606,145</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	83,486,571,198	87,796,606,145
222	- Nguyên giá		103,628,363,617	101,149,229,132
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20,141,792,419)	(13,352,622,987)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	963,645,834	-
225	- Nguyên giá		990,000,000	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26,354,166)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1,048,820,000	-
228	- Nguyên giá		1,048,820,000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>24,020,705</b>	<b>360,636,240</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24,020,705	360,636,240
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>108,650,000,000</b>	<b>51,700,000,000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		108,650,000,000	51,700,000,000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1,176,593,389</b>	<b>2,131,740,546</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1,176,593,389	2,131,740,546
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>273,726,614,792</b>	<b>177,416,729,806</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>129,332,858,484</b>	<b>60,935,315,778</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>128,146,893,154</b>	<b>53,338,066,588</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23,014,670,947	15,898,642,821
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	32,435,687,177	734,795,340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	10,282,110,325	3,191,914,731
314	4. Phải trả người lao động		4,142,746,803	962,100,158
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1,333,902,017
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	381,395,906	516,486,427
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	57,324,190,696	30,700,225,094
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		566,091,300	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1,185,965,330</b>	<b>7,597,249,190</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	1,185,965,330	7,597,249,190
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>144,393,756,308</b>	<b>116,481,414,028</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>144,393,756,308</b>	<b>116,481,414,028</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80,000,000,000	80,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>80,000,000,000</i>	<i>80,000,000,000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1,698,273,899	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62,695,482,409	36,481,414,028
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>34,217,048,829</i>	<i>25,159,588,034</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>28,478,433,580</i>	<i>11,321,825,994</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>273,726,614,792</b>	<b>177,416,729,806</b>


Lại Thị Thu Hà  
Người lập


Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
 phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
 Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2020		Quý IV năm 2019		Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020		Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	123,890,378,367	76,876,030,381	407,078,033,298	253,888,398,134				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	6,230,983,468	503,250,617	7,441,879,911	1,933,499,733				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		117,659,394,899	76,372,779,764	399,636,153,387	251,954,898,401				
11	4. Giá vốn hàng bán	21	95,831,071,291	60,810,911,540	324,990,832,651	205,842,856,005				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21,828,323,608	15,561,868,224	74,645,320,736	46,112,042,396				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1,003,290	732,465	31,186,021	1,963,725				
22	7. Chi phí tài chính	23	928,798,618	793,981,963	3,538,558,989	2,779,834,559				
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3,528,157,696	2,691,361,971	3,528,157,696	2,691,361,971				
25	8. Chi phí bán hàng	24	7,686,911,264	10,421,894,406	21,977,628,726	21,109,540,995				
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,552,201,939	2,435,443,668	13,203,545,572	7,720,654,733				
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9,661,415,077	1,911,280,652	35,956,773,470	14,503,975,834				
31	11. Thu nhập khác		161,732,821	3,035,679	161,734,004	3,307,686				
32	12. Chi phí khác		151,462,806	253,878,799	436,463,307	284,000,822				
40	13. Lợi nhuận khác		10,270,015	(250,843,120)	(274,729,303)	(280,693,136)				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,671,685,092	1,660,437,532	35,682,044,167	14,223,282,698
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,944,538,672	382,863,266	7,203,610,587	2,901,456,704
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>7,727,146,420</u>	<u>1,277,574,266</u>	<u>28,478,433,580</u>	<u>11,321,825,994</u>




Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng



  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 31/12/2020	đến 31/12/2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>35,682,044,167</b>	<b>14,223,282,698</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7,271,432,696	5,522,103,555
03	- Các khoản dự phòng		-	(781,001,887)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(31,186,021)	(1,963,725)
06	- Chi phí lãi vay		3,528,157,696	2,691,361,971
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>46,450,448,538</b>	<b>21,653,782,612</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1,018,393,584	42,324,404
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(32,480,559,904)	917,770,249
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		43,316,615,781	3,745,849,465
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5,418,162,649)	(1,113,988,038)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3,528,157,696)	(2,691,361,971)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,901,456,704)	(3,685,766,672)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>46,457,120,950</b>	<b>18,868,610,049</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3,837,515,048)	(15,349,251,506)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100,454,538	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(362,000,000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(56,950,000,000)	(25,000,000,000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31,186,021	1,963,725
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(60,655,874,489)</b>	<b>(40,709,287,781)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 31/12/2020	đến 31/12/2019
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		104,944,425,813	83,409,120,368
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(85,531,477,071)	(69,885,042,558)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>19,412,948,742</i>	<i>13,524,077,810</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5,214,195,203	(8,316,599,922)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4,117,333,209	12,433,933,131
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9,331,528,412</u>	<u>4,117,333,209</u>


Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởngLê Đức Thuận  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2020*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 80.000.000.000 đồng; tương đương 8.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng	TP. Hà Nội	TP. Hà Nội
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bánh kẹo

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.4 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

## **2.5 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

**2.7 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

**2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **2.14 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.15 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

### 2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4,851,895,000	2,103,063,000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4,479,633,412	2,014,270,209
	<u><u>9,331,528,412</u></u>	<u><u>4,117,333,209</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Báo cáo tài chính riêng

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	362,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	362,000,000	-	362,000,000	-
	<u>362,000,000</u>	<u>-</u>	<u>362,000,000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>108,650,000,000</b>	<b>108,650,000,000</b>	-	<b>51,700,000,000</b>
- Công ty TNHH Chế biến Nông Sản thực phẩm Hồng Hà	21,600,000,000	21,600,000,000	-	21,600,000,000
- Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	87,050,000,000	87,050,000,000	-	30,100,000,000
	<u>108,650,000,000</u>	<u>108,650,000,000</u>	<u>-</u>	<u>51,700,000,000</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1,250,159,108	-	2,455,790,939	-
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	662,747,892	-	2,264,155,533	-
Công ty cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	1,398,402,713	-	411,024,346	-
Phải thu khách hàng khác	6,709,762,551	-	5,561,130,808	-
	<b>10,021,072,264</b>	<b>-</b>	<b>10,692,101,626</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Quốc tế Thịnh Đạt	-	-	1,189,650,001	-
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	-	-	950,000,000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Phú Hưng Gia	-	-	575,607,887	-
Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ	-	-	498,185,078	-
Cơ sở sản xuất Bình Chung	1,015,000,000	-	-	-
Trả trước khác	971,545,558	-	581,053,514	-
	<b>1,986,545,558</b>	<b>-</b>	<b>3,794,496,480</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>950,000,000</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	27,000,000	-	-	-
Phải thu khác	72,703,000	-	-	-
	<b>99,703,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30,562,631,063	-	7,245,224,168	-
Công cụ, dụng cụ	186,398,191	-	67,807,281	-
Thành phẩm	175,926,514	-	46,378,435	-
Hàng hoá	15,147,912,379	-	6,232,898,359	-
	<b>46,072,868,147</b>	<b>-</b>	<b>13,592,308,243</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	35,023,197,308	57,720,056,371	7,080,090,908	1,025,454,545	300,430,000	101,149,229,132						
- Mua trong kỳ	718,471,800	980,496,035	-	30,000,000	-	1,728,967,835						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,306,530,286	-	-	-	-	1,306,530,286						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(556,363,636)	-	-	(556,363,636)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37,048,199,394</b>	<b>58,700,552,406</b>	<b>6,523,727,272</b>	<b>1,055,454,545</b>	<b>300,430,000</b>	<b>103,628,363,617</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	3,549,717,066	7,732,973,411	1,874,727,632	148,937,728	46,267,150	13,352,622,987						
- Khấu hao trong kỳ	2,046,651,288	3,976,796,059	1,018,460,802	91,021,391	112,148,990	7,245,078,530						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(455,909,098)	-	-	(455,909,098)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5,596,368,354</b>	<b>11,709,769,470</b>	<b>2,437,279,336</b>	<b>239,959,119</b>	<b>158,416,140</b>	<b>20,141,792,419</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	31,473,480,242	49,987,082,960	5,205,363,276	876,516,817	254,162,850	87,796,606,145						
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>31,451,831,040</b>	<b>46,990,782,936</b>	<b>4,086,447,936</b>	<b>815,495,426</b>	<b>142,013,860</b>	<b>83,486,571,198</b>						

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.0000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 26.354.166 đồng.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là hệ thống phần mềm quản lý DMS có nguyên giá là 1.048.820.000 đồng. Tài sản trên chưa thực hiện trích khấu hao trong năm 2020.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	725,936,472	2,088,928,494
Chi phí bảo hiểm	97,701,853	39,605,373
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	7,874,483,055	159,250,724
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	163,271,262	200,298,245
	<u><b>8,861,392,642</b></u>	<u><b>2,488,082,836</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	907,550,469	1,898,461,061
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	250,986,880	44,213,557
Chi phí trả trước dài hạn khác	18,056,040	189,065,928
	<u><b>1,176,593,389</b></u>	<u><b>2,131,740,546</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty cổ phần liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	3,333,979,150	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	6,999,638,436	-	5,395,203,235	-
Công ty TNHH Thực phẩm Bột mì CJ Việt Nam	1,247,180,000	-	3,606,097,000	-
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỳ Vimaflour	1,562,724,268	-	276,100,000	-
Công ty cổ phần truyền thông ALO	1,212,750,000	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	8,658,399,093	-	6,621,242,586	-
	<b>23,014,670,947</b>	<b>-</b>	<b>15,898,642,821</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>358,750</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)***14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Á Long	-	348,112,440
Công ty Cổ phần T-Martstores	-	143,039,974
Công ty TNHH SX TM DV Hướng Dương Milk Tea Fresh	1,032,935,500	-
Trả trước khác	31,402,751,677	243,642,926
	<b>32,435,687,177</b>	<b>734,795,340</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		308,755,253		4,752,844,018		2,073,144,667		-			2,988,454,604
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		2,883,159,478		7,203,610,587		2,901,456,704		-			7,185,313,361
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		2,750,000		2,750,000		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		108,342,360		-		-			108,342,360
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		5,000,000		5,000,000		-			-
			<b>3,191,914,731</b>		<b>12,072,546,965</b>		<b>4,982,351,371</b>					<b>10,282,110,325</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
- Bảo hiểm xã hội		295,564,600		428,624,468
- Bảo hiểm y tế		25,529,346		50,827,365
- Bảo hiểm thất nghiệp		11,346,376		21,742,220
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		48,955,584		15,292,374
		<b>381,395,906</b>		<b>516,486,427</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BÁO NGỌC**

Tòa nhà Báo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>23,888,109,604</b>	<b>23,888,109,604</b>	<b>104,944,425,813</b>	<b>81,292,841,751</b>	<b>47,539,693,666</b>	<b>47,539,693,666</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	22,909,298,994	22,909,298,994	82,527,329,620	72,218,288,633	33,218,339,981	33,218,339,981
- Ngân hàng TMCP Quân đội	978,810,610	978,810,610	2,952,374,593	2,936,775,702	994,409,501	994,409,501
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	2,967,499,594	2,637,777,416	329,722,178	329,722,178
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	2,997,222,006	-	2,997,222,006	2,997,222,006
- Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà	-	-	13,500,000,000	3,500,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6,812,115,490</b>	<b>6,812,115,490</b>	<b>7,211,016,860</b>	<b>4,238,635,320</b>	<b>9,784,497,030</b>	<b>9,784,497,030</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4,781,040,170	4,781,040,170	5,291,274,860	2,207,560,000	7,864,755,030	7,864,755,030
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111,333,320	111,333,320	-	111,333,320	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151,200,000	151,200,000	151,200,000	151,200,000	151,200,000	151,200,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1,768,542,000	1,768,542,000	1,768,542,000	1,768,542,000	1,768,542,000	1,768,542,000
	<b>30,700,225,094</b>	<b>30,700,225,094</b>	<b>112,155,442,673</b>	<b>85,531,477,071</b>	<b>57,324,190,696</b>	<b>57,324,190,696</b>
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7,498,834,860	7,498,834,860	-	2,207,560,000	5,291,274,860	5,291,274,860
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111,333,320	111,333,320	-	111,333,320	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	745,000,000	745,000,000	-	151,200,000	593,800,000	593,800,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	6,054,196,500	6,054,196,500	-	1,768,542,000	4,285,654,500	4,285,654,500
	<b>14,409,364,680</b>	<b>14,409,364,680</b>	<b>-</b>	<b>4,238,635,320</b>	<b>10,170,729,360</b>	<b>10,170,729,360</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	6,812,115,490	6,812,115,490	7,211,016,860	4,238,635,320	9,784,497,030	9,784,497,030
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>7,597,249,190</b>	<b>7,597,249,190</b>			<b>386,232,330</b>	<b>386,232,330</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BÁO NGỌC**

Tòa nhà Báo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>							
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b>					<b>33,218,339,981</b>	<b>33,218,339,981</b>	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 266/2019HĐCVHM/NHCT131-BAONGOC ngày 13 tháng 06 năm 2019.	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	33,218,339,981	33,218,339,981	Hợp đồng thế chấp tại số 88/2019/HĐBĐ/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b>					<b>994,409,501</b>	<b>994,409,501</b>	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 54229.19.008.1516289.TD ngày 16 tháng 12 năm 2019.	5,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7.80%	994,409,501	994,409,501	Tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, giấy tờ có giá do MB phát hành.
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</b>					<b>329,722,178</b>	<b>329,722,178</b>	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 024/2020/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2020	3,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	09 tháng kể từ ngày giải ngân	12,075%/năm	329,722,178	329,722,178	Không có tài sản đảm bảo
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</b>					<b>2,997,222,006</b>	<b>2,997,222,006</b>	
	Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 540/2020/HĐTD/CNM/01.	4,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	2,997,222,006	2,997,222,006	Không có tài sản đảm bảo

*Đơn vị tính: đồng*





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

	Giấy nhận nợ số	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	Giá tháng	6,9%/năm	111,333,320	111,333,320	Theo hợp đồng đảm bảo số
<b>5</b>	<b>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</b>				<b>593,800,000</b>	<b>151,200,000</b>	<b>10_08.2017/HDDDB/LNH ngày 22/08/2017</b>
	Hợp đồng số 1702-LAV-2017-00397 ngày 10 tháng 11 năm 2017.	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	593,800,000	151,200,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Mercedes Benz biển kiểm soát 30E-534.03
<b>6</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b>				<b>4,285,654,500</b>	<b>1,768,542,000</b>	
	Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019.	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	474,445,000	215,220,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Ford biển kiểm soát 29D-31599
	Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	1,003,103,000	451,740,000	Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.T G.DN
	Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	9%/năm	400,564,000	160,224,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%/năm	2,407,542,500	941,358,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	<b>Tổng cộng vay dài hạn</b>				<b>10,170,729,360</b>	<b>7,211,016,860</b>	
	<b>Tổng cộng vay</b>				<b>57,710,423,026</b>	<b>54,750,710,526</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000	-	25,159,588,034	105,159,588,034
Lãi trong kỳ trước	-	-	11,321,825,994	11,321,825,994
Số dư cuối kỳ trước	80,000,000,000	-	36,481,414,028	116,481,414,028
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	-	36,481,414,028	116,481,414,028
Lãi trong kỳ nay	-	-	28,478,433,580	28,478,433,580
Phân phối lợi nhuận	-	1,698,273,899	(2,264,365,199)	(566,091,300)
Số dư cuối kỳ nay	80,000,000,000	1,698,273,899	62,695,482,409	144,393,756,308

Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/BN-DHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	11,321,825,994
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.00%	1,698,273,899
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.00%	566,091,300
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	35.33%	4,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	44.67%	5,057,460,795

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Á Long	18.81%	15,050,000,000	18.81%	15,050,000,000
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	28,850,360,000	36.06%	28,850,360,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstr	5.88%	4,700,000,000	5.88%	4,700,000,000
Các cổ đông khác	39.25%	31,399,640,000	39.25%	31,399,640,000
	<b>100%</b>	<b>80,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>80,000,000,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý IV năm 2020 VND	Quý IV năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>80,000,000,000</i>	<i>80,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>80,000,000,000</i>	<i>80,000,000,000</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8,000,000	8,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8,000,000</i>	<i>8,000,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8,000,000</i>	<i>8,000,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	-
	<b>1,698,273,899</b>	<b>-</b>

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	221,799,051,340	127,590,599,846
Doanh thu bán hàng hóa	179,475,801,714	122,580,635,019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,803,180,244	3,717,163,269
	<b>407,078,033,298</b>	<b>253,888,398,134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4,549,218,498	129,181,669
Hàng bán bị trả lại	2,892,661,413	1,804,318,064
	<b>7,441,879,911</b>	<b>1,933,499,733</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	153,032,823,126	93,813,003,536
Giá vốn của hàng hóa đã bán	171,958,009,525	112,713,695,820
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	97,158,536
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(781,001,887)
	<b>324,990,832,651</b>	<b>205,842,856,005</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	31,186,021	1,963,725
	<b>31,186,021</b>	<b>1,963,725</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3,528,157,696	2,691,361,971
	<b>3,528,157,696</b>	<b>2,691,361,971</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13,729,652	10,750,456
Chi phí nhân công	10,085,774,598	2,639,683,389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	922,028,586	758,310,933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,440,820,788	10,445,195,970
Chi phí khác bằng tiền	2,515,275,102	7,255,600,247
	<b>21,977,628,726</b>	<b>21,109,540,995</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	745,953,190	836,604,495
Chi phí nhân công	4,510,193,345	1,920,473,887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,062,858,134	1,448,311,984
Thuế, phí, lệ phí	207,236,539	179,948,392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,770,202,012	3,165,347,355
Chi phí khác bằng tiền	907,102,352	169,968,620
	<b>13,203,545,572</b>	<b>7,720,654,733</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	28,478,433,580	11,321,825,994
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28,478,433,580	11,321,825,994
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8,000,000	8,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3,560</b>	<b>1,415</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,331,528,412	-	4,117,333,209	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10,120,775,264	-	10,692,101,626	-
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	362,000,000	-
	<b>19,814,303,676</b>	<b>-</b>	<b>15,171,434,835</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			58,510,156,026	38,297,474,284
Phải trả người bán, phải trả khác			23,396,066,853	16,415,129,248
Chi phí phải trả			-	1,333,902,017
			<b>81,906,222,879</b>	<b>56,046,505,549</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	-	362,000,000
	<u>362,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>362,000,000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	-	362,000,000
	<u>362,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>362,000,000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,331,528,412	-	-	9,331,528,412
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10,120,775,264	-	-	10,120,775,264
	<b>19,452,303,676</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19,452,303,676</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,117,333,209	-	-	4,117,333,209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10,692,101,626	-	-	10,692,101,626
	<b>14,809,434,835</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14,809,434,835</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	57,324,190,696	1,185,965,330	-	58,510,156,026
Phải trả người bán, phải trả khác	23,396,066,853	-	-	23,396,066,853
	<b>80,720,257,549</b>	<b>1,185,965,330</b>	<b>-</b>	<b>81,906,222,879</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**Tại ngày 01/01/2020**

Vay và nợ	30,700,225,094	7,597,249,190	-	38,297,474,284
Phải trả người bán, phải trả khác	16,415,129,248	-	-	16,415,129,248
Chi phí phải trả	1,333,902,017	-	-	1,333,902,017
	<b>48,449,256,359</b>	<b>7,597,249,190</b>	<b>-</b>	<b>56,046,505,549</b>

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>2,546,143,357</b>	<b>274,363,236</b>
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	2,546,143,357	274,363,236
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>143,249,529,238</b>	<b>130,862,750,734</b>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà	Thành viên góp vốn	143,249,529,238	124,026,090,287
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	6,554,381,818
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	282,278,628

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>-</b>	<b>950,000,000</b>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Thành viên góp vốn	-	950,000,000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>-</b>	<b>358,750</b>
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	358,750
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		<b>10,000,000,000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Công ty con	10,000,000,000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	621,714,925	179,712,570

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

### 30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Công ty lập.



**Lại Thị Thu Hà**  
Người lập



**Nguyễn Xuân Trường**  
Kế toán trưởng



**Lê Đức Thuận**  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

